

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2020/DS-PT

Ngày: 30-11 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Lạc

*Các Thẩm phán:*

Bà Trần Thị Ngọc Dung

Ông Đặng Văn Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Trần Thị Trúc Lâm  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DSST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 276/2020/QĐPT ngày 13/11/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1976, anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 03, ấp Th, xã Thành T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Chị **Lê Thị Thanh Th**, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Tổ 09, ấp Thành K, xã Thành Đ (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, ấp TL, xã TH, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 22, ấp Th, xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng*: Chị **Phạm Thị Mỹ D**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

**Người kháng cáo**: bị đơn: ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Thanh Th

### **NỘI D VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

Vào ngày 18/11/2019, anh Nguyễn Văn H là người đi mua khoai lang cho anh Nguyễn Văn H1 (anh H1 là người chuyên mua khoai ở địa phương) có đến thu mua khoai lang (loại khoai tím Nhật) của vợ chồng anh chị, tổng số khoai đã bán cho anh H, chị Lê Thị Thanh Th (vợ anh H), anh Nguyễn Văn H1 nhận là 357 cây (01 cây là 03 bao, 01 bao bằng 40 kg) lẽ 02 bao, với giá 360.000đ/tạ (01 tạ bằng 62 kg nhưng do khoai ướt nên bù thêm 02 kg mỗi tạ là 64kg). Cụ thể 357 cây x 03bao/cây + 02 bao lẽ = 1073 bao x 40kg/bao = 42.920kg: 64kg = 670,625 tạ x 360.000đ/tạ = 241.425.000đ. Trước đó anh H đã đặt cọc là 30.000.000đ, khấu trừ vào tiền cọc nên anh H, chị Th còn nợ lại số tiền 211.425.000đ. Anh H có viết tờ cam kết ngày 18/11/2019 hẹn đến ngày 02/11al/2019 (nhằm ngày 27/11/2019) sẽ trả đủ số tiền trên.

Anh chị đã liên hệ anh H1 thì anh H1 cũng thừa nhận anh H mua khoai giùm cho anh H1, anh H1 cũng hứa trả tiền sau khi nhận hơn 300 máy tạ (hẹn khoảng 05 ngày sau kể từ ngày nhận khoai đợt đầu là ngày 20/10al/2019).

Anh T, chị B yêu cầu anh H, chị Th và anh H1 cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền mua khoai còn nợ bằng 211.425.000đ. Ngoài ra, anh chị không yêu cầu tính lãi và không có yêu cầu nào khác. Anh T xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2020, ngày 21/7/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:* Anh Nguyễn Văn H là người bán khoai cho anh nhiều lần, còn chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hữu T là người từng làm lái khoai nên anh có biết, khoản tháng 11/2019, anh H có điện thoại cho anh để bán khoai lang tím Nhật (sau này mới biết anh H mua của chị B, anh T) với giá 400.000đ/tạ, thỏa thuận giao khoai tại kho (thuộc xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long) nếu đạt yêu cầu (tức cũ không bị thối, bị nứt hay bể bọng) thì anh cho nhập kho và trả tiền ngay cho anh H, nhưng khi anh H chở khoai về kho của anh thì khoai bị hư thối nên anh không chấp nhận cho nhập kho, anh có báo lại để vợ chồng anh H xuống tự xử lý và đề nghị vợ chồng anh H báo lại chính quyền ấp, xã đến lập biên bản làm bằng chứng giải quyết với phía chị B; anh H nói đã báo ở ấp của xã Thuận An nhưng không biết là ấp

nào. Đồng thời, anh H nói lại là có điện thoại cho vợ chồng chị B xuống nhưng vợ chồng chị B không xuống chứng kiến nên anh H kêu súc đồ vì khoai đã hư toàn bộ. Thực tế, anh không mua khoai của anh T, chị B mà chỉ mua khoai của anh H như đã thỏa thuận, trước đó anh cũng không ứng tiền để anh H mua khoai của chị B. Về phương thức mua bán khoai, có khi anh trực tiếp đi mua khoai của người bán trên ruộng và trực tiếp trả tiền; có khi anh H hoặc người khác đi mua khoai của người khác để bán lại cho anh tại kho, nếu anh H mua giá thấp hơn do giá do anh đưa ra thì anh H hưởng tiền chênh lệch. Ngoài ra, số khoai của anh H mua của chị B do bị hư thối nhiều ban đầu do không ai mua, nếu bán thì giá khoảng 120.000đ đến 150.000.000đ/tạ tại ruộng nhưng anh H vẫn đồng ý mua để bán lại anh giá 400.000đ/tạ, do khi khoai về đến kho bị hư thối nên anh cho anh H mượn kho để quạt, sấy tự xử lý. Qua yêu cầu của chị B, anh H thì anh không đồng ý và xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

- *Tại tờ tường trình ngày 17/01/2020, biên bản hòa giải ngày 11/6/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Qua yêu cầu khởi kiện của anh T, chị B là hoàn toàn đúng sự thật vì anh là người giới thiệu (hưởng huê hồng) để chị B, anh T bán khoai cho anh Nguyễn Văn H1, anh không trực tiếp kiểm đếm và nhận khoai lang (loại tím Nhật) từ ruộng của chị B mà do người của anh H1 thuê đến lựa khoai phân loại, cân khoai, kiểm đếm và vận chuyển về kho, cụ thể 02 ngày là 20 và 21/10a/2019 thì H1 nhận và lấy bao nhiêu khoai anh không biết; đến ngày 22/10a/2019 do H1 bỏ khoai tại ruộng không nhận vì H1 cho rằng khoai bị hư thối, đề nghị chị B bớt và đề nghị bớt thêm cho số khoai nhận 02 ngày trước, sau đó do thỏa thuận không được nên H1 đã kéo người về bỏ khoai không nhận, anh đã trực tiếp nhận 240 tạ, chưa tính thành tiền vì khi nhận xong anh chở về kho cho H1 (ở xã Thuận An, thị xã Bình Minh), không có việc anh mượn kho của H1 để sấy, quạt số khoai anh mua của vợ chồng chị B, H1 trả tiền công cho anh, mỗi một công là 100.000đ, số tiền 30.000.000đ cũng do anh H1 ứng tiền đặt cọc, do làm ăn nhiều năm nên tin tưởng nhau vì vậy trong hợp đồng mua bán khoai và đặt cọc anh không ghi tên anh H1 và địa chỉ nơi anh H1 làm kho. Đối với số khoai lang mua của vợ chồng chị B thì giữa anh và anh H1 không có làm hợp đồng riêng nào khác. Sau khi đặt cọc 02 ngày thì H1 đã cho người vào lựa khoai để mua, chở khoai. Lý do anh viết Tờ cam kết ngày 18/11/2019 vì từ trước đến nay anh cũng lĩnh nợ mua khoai cho H1 nhiều lần nên thống nhất làm cam kết xác nhận số khoai còn nợ bằng 357 cây (gồm khoai lớn và khoai ba), tính thành tiền như nội D yêu cầu khởi kiện của chị B, căn cứ vào sổ sách của Phạm Thị Mỹ D là người làm cai (kiểm đếm số lượng khoai từ ruộng về kho của H1) báo lại nên anh thống nhất ký cam kết với phía chị B.

Qua yêu cầu của chị B, anh T, anh không nắm được cụ thể số lượng, hiện H1 còn nợ vợ chồng chị B bao nhiêu tiền (*có đúng là  $357 \text{ cây} \times 03 \text{ bao/cây} + 02 \text{ bao lẻ} = 1073 \text{ bao} \times 40 \text{ kg/bao} = 42.920 \text{ kg} : 64 \text{ kg} = 670,625 \text{ tạ} \times 360.000 \text{ đ/tạ} = 241.425.000 \text{ đ}$  hay không*), anh đề nghị H1 gặp trực tiếp chị B, anh T để thương lượng giải quyết, giảm bớt khoai bị hư thối và trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng chị B là của anh H1.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 11/6/2020, bị đơn chị Lê Thị Thanh Th trình bày:* Hàng ngày chị đi cùng anh H mua khoai giúp cho H1 để hưởng tiền công nên thống nhất theo ý kiến của anh Nguyễn Văn H đã trình bày. Việc anh H (chồng chị) mua khoai giùm anh H1 tại ruộng khoai của chị B (anh Tư Te) và hưởng huê hồng thì ngày hôm đó chị không đi chung với anh H. Vợ chồng chị không mua khoai của chị B nên đề nghị H1 trả số trả tiền mua khoai còn nợ cho phía vợ chồng chị B.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/07/2020, người làm chứng chị Phạm Thị Mỹ D trình bày:* Chị là người lựa khoai thuê cho anh H, anh H1, do thời gian lâu quá chị không nhớ rõ, chỉ nhớ sau khi anh H mua khoai của vợ chồng chị B thì có thuê chị đến để lựa khoai trên ruộng, anh H là người thuê và trả tiền công vì đây là khoai do anh H trực tiếp mua; chị đến lựa khoai một ngày thì phát hiện khoai bị hư hỏng quá nhiều (bị thối) nên có báo lại cho anh H nhiều lần trong ngày đề nghị anh H ngưng để ngày khác lựa nhưng anh H yêu cầu cứ tiếp tục lựa, khi chị báo nhiều lần cho anh H nên chị B tỏ ra bức bối và yêu cầu chị ngày hôm sau không phải đến lựa khoai. Anh H mua khoai này để bán lại cho anh Nguyễn Văn H1, anh H1 có mở kho khoai ở xã Thuận An, thị xã Bình Minh. Cũng có khi anh H1 trực tiếp mua thì cũng thuê chị đi lựa khoai. Về tổng số tạ và tính thành tiền bao nhiêu khi anh H mua khoai của vợ chồng chị B thì chị không biết vì không chứng kiến việc cân và tính tiền, chị chỉ phụ lựa khoai một ngày, chị xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DSST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 430, 433, 440 và 441 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hữu T.

2. Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Thanh Th có trách nhiệm hoàn trả chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hữu T số tiền mua khoai còn nợ bằng 211.425.000đ (*hai trăm mười một triệu bốn năm hai mươi lăm nghìn đồng*.)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 17/8/2020 anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th có đơn kháng cáo với nội D yêu cầu như sau: yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th không đồng ý trả chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hữu T số tiền mua khoai còn nợ là 211.425.000đ.

### **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của anh H, chị Th là không có cơ sở chấp nhận, bởi: Hợp đồng mua bán khoai lập ngày 08/10/2019 và tờ cam kết lập ngày 18/11/2019 xác định anh H là người trực tiếp thỏa thuận ký hợp đồng mua bán khoai. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 441 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời điểm chịu rủi ro. Với quy định này cho thấy khi ký kết hợp đồng mua bán và khi nhận khoai anh H có viết tờ cam kết, thể hiện nội D anh H đã nhận đủ khoai và đồng ý sẽ thanh toán số tiền còn nợ. Số tiền còn lại theo hợp đồng mua bán chính anh H là người cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nếu không thực hiện nghĩa vụ sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Điều này chứng minh rằng anh H là người trực tiếp mua và nhận khoai, còn nợ tiền khoai chưa trả nên phải có trách nhiệm trả số tiền còn lại 211.425.000 đồng cho nguyên đơn.

Đối với lời trình bày anh H: là người mua khoai dùm của anh H1 để hưởng huê hồng, để chị B bán khoai cho anh H1, anh không trực tiếp là người kiểm đếm và nhận khoai lang từ ruộng của chị B, do anh H1 thuê lựa khoai, phân loại, cân, kiểm đếm và vận chuyển về kho. Lời trình bày này anh H1 không thừa nhận, chị B, anh T, anh H và chị Th không cung cấp chứng cứ chứng minh do anh H1 là người trực tiếp mua khoai của nguyên đơn do đó không có căn cứ buộc anh H1 có trách nhiệm liên đới cùng anh H, chị Th trả nợ. Ngoài ra, về xác định tư cách tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của chị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa phù hợp vì chị D là người được thuê đến ruộng nguyên đơn để lựa khoai, trả lương theo thỏa thuận, không có quyền lợi liên quan gì trong vụ án, do vậy cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng chị D là người làm chứng mới phù hợp. Do đó căn cứ

khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án đền nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2020/DSST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Anh H, chị Th phải chịu án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 04/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm. Ngày 17/8/2020 anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D: Ngày 18/11/2019 anh Nguyễn Văn H là người đi mua khoai lang có đến mua khoai lang (loại khoai tím nhật) của vợ chồng anh Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thị B. Tổng số khoai của anh T và chị B đã bán cho anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th (vợ anh H) nhận là 357 cây với giá 241.425.000đ. Anh H đã đặt cọc trước 30.000.000đ. Sau khi khấu trừ tiền cọc thì anh H, chị Th còn nợ số tiền 211.425.000đ. Sau khi xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th kháng cáo không đồng ý trả số tiền còn nợ là 211.425.000đ cho vợ chồng anh T và chị B với lý do anh H cho rằng chỉ là người giới thiệu chị B và anh T bán khoai cho anh H1 để anh H được hưởng huê hồng của anh H1 và cho rằng việc kiểm đếm, phân loại khoai cho đến vận chuyển đều do anh H1 thuê người thực hiện. Nên trách nhiệm trả nợ tiền mua khoai là của anh H1.

[3] Xét kháng cáo của anh H và chị Th là không có căn cứ. Bởi lẽ, khi mua khoai của anh T và chị B thì anh H là người trực tiếp mua và viết cam kết trả số tiền nợ khoai còn lại. Không có bất cứ một thỏa thuận nào là mua thay cho anh H1. Anh H1 cũng không thừa nhận. Mặt khác, tại các biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2020 của ông Nguyễn Việt H khai: *ông là người chở thuê không biết việc bán bao nhiêu tạ khoai và tính thành tiền bao nhiêu, ông chỉ biết anh H mua khoai của chị B và thuê chủ ghe nơi ông Việt H làm thuê đến chở; cũng cùng ngày 20/7/2020 lập biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị Mỹ D khai: “sau khi anh H mua khoai của vợ chồng chị B thì có thuê chị D đến để lựa khoai trên ruộng, anh H là người thuê và trả tiền thuê cho chị D vì đây là khoai anh H trực tiếp mua. Chị D khẳng định anh H1 không có thuê chị lựa khoai. Khoai này do anh H trực tiếp mua...”*.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2020 của anh Nguyễn Văn H1: “Anh H là người mua khoai lang tím bán lại cho anh H1 rất nhiều lần, theo thỏa thuận khoai giao tại kho cho anh H1. Nếu đạt yêu cầu thì anh H1 nhận hàng và trả tiền nhưng khi anh H chở khoai đến thì khoai bị thối, hư hỏng nên anh H1 không mua. Vì từ trước đến nay anh H1 mua bán đều thỏa thuận như vậy, anh H1 không đi xem khoai trực tiếp từ người trồng khoai. Anh chỉ trả tiền khi khoai chở đến kho của anh đảm bảo về chất lượng. Ngoài ra anh không trả thêm tiền huê hồng hay khoản phí nào khác....”

Tại bản cam kết ngày 18/11/2019 của anh Nguyễn Văn H cam kết: “anh H là người mua khoai của anh Nguyễn Hữu T 15 công khoai tím với giá 360.000đ/tạ 62kg, có đưa cọc 30.000.000đ. Hẹn ngày mùng 02 tháng 11 Al sẽ trả đủ số tiền cho anh T”.

Qua những căn cứ nêu trên và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay chị Th không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh được những thỏa thuận khác từ anh H và chị với anh H1 cũng như chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Hợp đồng mua bán khoai lang ngày 08/10/2019, Tờ cam kết 18/11/2019 là do anh H trực tiếp mua bán với vợ chồng anh T và chị B. Nên không có căn cứ buộc anh H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ khoai này. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thanh Th.

[2] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DSST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 430, 433, 440 và 441 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hữu T.

2. Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Thanh Th có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hữu T số tiền mua khoai còn nợ bằng 211.425.000đ (*hai trăm mười một triệu bốn năm hai mươi lăm nghìn đồng.*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về án phí phúc thẩm: buộc anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người 300.000đ. Được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí của anh Nguyễn Văn H là 0011578 ngày 17/8/2020; của chị Lê Thị Thanh Th là 0011579 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm phải chịu án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện Bình Tân: 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- Chi Cục THADS Bình Tân: 01;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Văn Lạc**



